

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cơ khí – Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty và thay đổi địa chỉ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Số 128, đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Lô K, đường số 4, Khu công nghiệp Liên Chiêu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Cho thuê nhà xưởng; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Trịnh Quốc Khánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2024
Ông Lý Nam Ninh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2024
Bà Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tám	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2023
Ông Vũ Trọng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Đình Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tám – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản nợ phải thu (gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác và ứng trước cho người bán) và nợ phải trả (gồm: phải trả người bán, phải trả khác, người mua trả tiền trước) chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng có liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, lần lượt là 76.550.947.442 VND và 67.905.581.498 VND (số đầu năm: 83.691.485.680 VND và 132.153.535.606 VND). Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số dư nêu trên, cũng như không xác định được các ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục có liên quan của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, khoản mục “Hàng tồn kho” phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, với giá trị ghi sổ là 72.105.355.361 VND. Chúng tôi không thể ước tính được giá trị có thể thu hồi đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình này.

Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán lâu ngày; và chưa ghi nhận lãi chậm thanh toán đối với các khoản nợ phải trả người bán đã quá hạn, căn cứ theo phán quyết của Tòa án. Theo ước tính của kiểm toán viên, nếu Công ty ghi nhận các số liệu trên, các khoản mục trong các báo cáo tài chính sẽ thay đổi như sau: Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp: “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng 34.530.375.940 VND; “Chi phí khác” tăng 2.121.902.067 VND; “Lợi nhuận kế toán trước/sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm (36.652.278.007) VND (Số năm trước: tăng/(giảm) lần lượt là: 3.236.175.404 VND, 2.176.937.854 VND và (5.413.113.258) VND); Bảng cân đối kế toán tổng hợp: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” tăng 37.766.551.344 VND; “Phải trả ngắn hạn khác” tăng 15.419.102.301; “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm (53.185.653.645) VND (Số đầu năm: tăng/(giảm) lần lượt là 3.236.175.404 VND, 13.297.200.234 VND và (16.533.375.638) VND).

Ngoài các khoản nợ phải trả mà Công ty đã bị đối tác khởi kiện, chúng tôi không thể xác định được tổng số nợ phải trả quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như số lãi chậm thanh toán mà Công ty sẽ phải trả cho các nhà cung cấp theo tiến độ qui định trong Hợp đồng (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về khoản lỗ thuần (70.533.984.406) VND của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tại ngày này, số lỗ lũy kế của Công ty là (337.691.986.817) VND, vốn chủ sở hữu âm (199.888.096.691) VND, và các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 216.189.748.272 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.1 và VII.4 về việc Công ty đã nhận được thông báo của Tòa án về việc Công ty bị khởi kiện; hoặc Công ty đang là nguyên đơn và là bị đơn trong một số vụ tranh chấp, kiện tụng.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Từ - Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		446.529.943.371	477.556.293.094
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.722.933.354	1.396.494.809
1. Tiền	111	V.1	1.722.933.354	1.396.494.809
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		445.190.400	419.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	445.190.400	419.200.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		310.206.061.476	326.251.065.967
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	212.124.335.510	233.348.758.980
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	24.295.354.653	24.499.377.529
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	15.739.969.128	14.733.082.845
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	88.840.812.504	82.570.793.568
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(30.794.410.319)	(28.900.946.955)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	115.066.926.872	130.521.318.515
1. Hàng tồn kho	141		115.066.926.872	130.521.318.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.088.831.269	18.968.213.803
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.747.954	84.392.477
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.057.083.315	18.883.821.326
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.327.116.659	48.456.906.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.784.020.090	1.620.000.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	164.020.090	-
Nguyên giá	222		112.223.242.631	112.053.147.724
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.059.222.541)	(112.053.147.724)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.620.000.000	1.620.000.000
Nguyên giá	228		2.120.000.000	2.120.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(500.000.000)	(500.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		781.492.174	781.492.174
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		781.492.174	781.492.174
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.170.628.323	40.226.356.778
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	62.666.432.000	62.666.432.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	39.124.823.018	39.124.823.018
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.000.000	20.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(93.640.626.695)	(61.584.898.240)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.590.976.072	5.829.057.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	5.590.976.072	5.829.057.252
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		462.857.060.030	526.013.199.298

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		662.745.156.721	655.367.311.583
I. Nợ ngắn hạn	310		662.719.691.643	655.341.846.505
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	152.329.821.817	151.068.136.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	56.432.465.730	82.493.276.014
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	76.413.167.681	63.452.052.375
4. Phải trả người lao động	314		8.826.595.858	5.908.321.172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	24.418.085.645	23.984.293.418
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	165.997.114.033	149.397.210.539
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	176.457.821.316	177.187.436.816
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.844.619.563	1.851.119.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25.465.078	25.465.078
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		25.465.078	25.465.078
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(199.888.096.691)	(129.354.112.285)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	(199.888.096.691)	(129.354.112.285)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.340.512.899	42.340.512.899
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(337.691.986.817)	(267.158.002.411)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(267.158.002.411)	(267.158.002.411)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(70.533.984.406)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		462.857.060.030	526.013.199.298

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	57.249.329.771	49.597.984.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		57.249.329.771	49.597.984.489
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	56.061.026.094	53.164.289.836
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.188.303.677	(3.566.305.347)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.016.931.098	909.570.365
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	50.867.096.081	25.251.502.228
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.804.517.812	18.076.770.399
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.614.311.958	11.949.169.710
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(59.276.173.264)	(39.857.406.920)
11. Thu nhập khác	31		13.750.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	11.271.561.142	820.088.784
13. Lợi nhuận khác	40		(11.257.811.142)	(820.088.784)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(70.533.984.406)	(40.677.495.704)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(70.533.984.406)	(40.677.495.704)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dura, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(70.533.984.406)	(40.677.495.704)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	6.074.817	12.471.686
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 5	33.949.191.819	10.087.405.680
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.012.876.683)	(909.570.365)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	18.804.517.812	18.076.770.399
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(18.787.076.641)	(13.410.418.304)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.939.175.021	(15.426.308.169)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.454.391.643	20.971.732.325
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.651.244.845)	7.345.864.578
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		290.725.703	217.081.180
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(39.312.329)	(463.647.621)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(6.500.000)	(39.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.200.158.552	(804.796.011)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(170.094.907)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.990.400	22.374.892
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(144.104.507)	22.374.892

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

C.T.C.P.
Y
HỘI

C.T.C.P.
Y
HỘI

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	350.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.079.615.500)	(2.918.749.208)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	-	(39.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(729.615.500)	(2.958.299.208)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		326.438.545	(3.740.720.327)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.396.494.809	5.137.215.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.722.933.354	1.396.494.809

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, gia công, và lắp đặt công trình cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Cho thuê nhà xưởng; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là thực hiện các hợp đồng chế tạo thiết bị thủy công cho các công trình thủy điện nhỏ đã ký trong năm trước và nghiệm thu các hợp đồng này. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các bên giao thầu để quyết toán và đôn đốc thanh toán các hợp đồng thi công lắp đặt thiết bị thủy công của các công trình đã thi công xong, đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng từ rất lâu nhưng chưa được quyết toán và thanh toán như Xekaman 1, Xekaman 3... Do công nợ phải thu khách hàng tồn đọng nhiều nên Công ty gặp khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, trả nợ nhà cung cấp, nộp thuế, bảo hiểm... dẫn đến chi phí lãi vay, lãi chậm thanh toán rất lớn.

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	89,87%	89,87%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Tầng 4, số nhà 117 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thiết kế cơ khí	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Số nhà 10 TT33, KĐT Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm và xây lắp	100%	100%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Hoạt động kinh doanh theo đăng ký của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ quyền biểu quyết (được xác định theo tỷ lệ vốn cam kết) là 24%, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn cam kết. Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 và đã có phán quyết của Tòa án tại Bản án số 01/2024/KDTM-ST ngày 05 tháng 09 năm 2024 (Xem thuyết minh VII.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Số 128, đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Lô K, đường số 4, Khu công nghiệp Liên Chiêu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 109 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 113 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016 ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016 ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc. Giao dịch và số dư giữa các đơn vị được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do khoản đầu tư này Công ty nhận ủy thác đầu tư nên không chịu rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối năm tài chính được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí SXKD} & & \text{Chi phí SXKD dở dang} & + & \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{dở dang} & & \text{đầu năm (CT, HMCT)} & & \text{trong năm (CT, HMCT)} \\ \text{cuối năm (CT, HMCT)} & = & \text{Giá trị sản lượng} & + & \text{Giá trị sản lượng} & \times & \text{Giá trị} \\ & & \text{dở dang đầu năm} & & \text{thực hiện trong năm} & & \text{sản lượng} \\ & & \text{(CT, HMCT)} & & \text{(CT, HMCT)} & & \text{dở dang} \\ & & & & & & \text{cuối năm} \\ & & & & & & \text{(CT, HMCT)} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294 TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dura, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty. Hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.199.119	109.247.619
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.720.734.235	1.287.247.190
Cộng	1.722.933.354	1.396.494.809

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Khoản tiền này được cầm cố để đảm bảo cho các khoản bảo lãnh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà.

2b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	62.666.432.000	(58.640.560.256)	62.666.432.000	(59.956.892.552)
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	52.666.432.000	(48.640.560.256)	52.666.432.000	(49.956.892.552)
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên kết	39.124.823.018	(35.000.066.439)	39.124.823.018	(1.628.005.688)
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	39.124.823.018	(35.000.066.439)	39.124.823.018	(1.628.005.688)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.000.000	-	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 (khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên)	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	101.811.255.018	(93.640.626.695)	101.811.255.018	(61.584.898.240)

Công ty sở hữu 100% vốn góp tại Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco và Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco.

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị khác như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	5.266.643	89,87%	5.266.643	89,87%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	3.912.482	24,00%	3.912.482	24,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư chưa niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Someco Hà Giang hoạt động bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco và Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco không có hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, hoạt động chủ yếu chỉ thực hiện việc thu hồi và giải quyết các khoản công nợ còn tồn đọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 (“Someco 1”) vẫn đang tạm dừng việc đầu tư công trình thủy điện Bắc Giang 1, chưa tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa có doanh thu. Tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Công trình thủy điện Bắc Giang 1 đã được thế chấp cho Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Someco 1 với Ngân hàng. Do Someco 1 vi phạm về thanh toán tiền lãi và không thực hiện các cam kết triển khai thực hiện dự án nên Ngân hàng đã khởi Someco 1 ra Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 đã có hiệu lực thi hành, theo đó, Toà án buộc Someco 1 phải trả cho Ngân hàng số tiền 199.193.137.626 VND (bao gồm 129.223.353.276 VND nợ gốc và 69.970.784.350 VND nợ lãi). Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã có Thông báo số 60/TB-THADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc bán đấu giá thành với nội dung: Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai gắn với dự án công trình thủy điện Bắc Giang đã bị cưỡng chế thi hành án và được bán đấu giá thành vào ngày 26 tháng 12 năm 2024 với giá trúng đấu giá là 72.931.528.125 VND.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	61.584.898.240	54.410.166.411
Trích lập dự phòng bổ sung (*)	33.372.060.751	7.174.731.829
Hoàn nhập dự phòng	(1.316.332.296)	-
Số cuối năm	93.640.626.695	61.584.898.240

(*) Là khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào Someco 1, được trích lập căn cứ vào dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Someco 1.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang		
Lãi cho vay công ty con	986.886.283	887.195.473
Doanh thu hợp đồng xây lắp	-	16.241.612.670
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Someco		
Doanh thu hợp đồng xây lắp	-	6.005.182.165

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để thế chấp

Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Someco 1 để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh V.18).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	149.867.647.437	188.798.230.844
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	120.985.602.134	159.829.105.541
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	151.704.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	94.063.956
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	6.182.844	6.182.844
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	130.470.486	130.470.486
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	703.775.379	703.775.379
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.725.882.302	2.825.882.302
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.818.287.073	1.805.367.073
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	99.865.504	99.865.504
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	2.934.522.911	2.934.522.911
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.190.032.025	1.190.032.025

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	17.386.042.938	17.386.042.938
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	1.641.215.795	1.641.215.795
Phải thu các khách hàng khác	62.256.688.073	44.550.528.136
Cộng	212.124.335.510	233.348.758.980
Trong đó: Số chưa được đối chiếu, xác nhận	40.887.179.565	70.682.075.872

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	11.489.967.721	11.489.967.721
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	5.403.981.036	5.403.981.036
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	6.085.986.685	6.085.986.685
Trả trước cho người bán khác	12.805.386.932	13.009.409.808
Công ty TNHH Thủy lực Yến Linh	7.385.850.000	7.385.850.000
Các nhà cung cấp khác	5.419.536.932	5.623.559.808
Cộng	24.295.354.653	24.499.377.529
Trong đó: Số chưa được đối chiếu, xác nhận	12.805.386.932	13.009.409.808

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	13.239.969.128	12.233.082.845
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	3.082.581.077	3.062.581.077
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱ⁾	9.998.055.593	9.011.169.310
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	15.739.969.128	14.733.082.845

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Someco Hà Giang vay vốn lưu động theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/TD/SOMECON ngày 01/08/2017, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, tự động gia hạn.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	23.652.374.850	-	23.665.294.850	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	22.312.000.000	-	22.312.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	783.374.850	-	796.294.850	-
Ông Lê Văn Tám - Tạm ứng	557.000.000	-	557.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	65.188.437.654	(5.889.635.442)	58.905.498.718	(5.913.754.056)
Tạm ứng	31.537.687.873	(254.194.305)	26.003.208.346	(254.194.305)
Thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	17.522.417.165	-	16.622.072.791	-
Ký cược, ký quỹ	4.558.047.241	-	4.738.092.324	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.570.285.375	(5.635.441.137)	11.542.125.257	(5.659.559.751)
Cộng	88.840.812.504	(5.889.635.442)	82.570.793.568	(5.913.754.056)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Các bên liên quan</i>	5.321.064.789	5.421.064.789
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	789.815.414	789.815.414
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.725.882.302	2.825.882.302
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.805.367.073	1.805.367.073
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	25.473.345.530	23.479.882.166
Phải thu khách hàng khác	17.073.591.474	15.066.128.110
Phải thu về cho vay	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	5.899.754.056	5.913.754.056
Cộng	30.794.410.319	28.900.946.955

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.900.946.955	25.988.273.104
Trích lập dự phòng bổ sung	2.007.463.364	2.912.673.851
Hoàn nhập dự phòng	(114.000.000)	-
Số cuối năm	30.794.410.319	28.900.946.955

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.324.298.717	-	4.333.225.293	-
Công cụ, dụng cụ	103.076.315	-	114.531.110	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	110.639.551.840	-	126.073.562.112	-
<i>Công trình thủy điện Xekaman 1</i>	29.556.961.885	-	34.555.891.987	-
<i>Công trình thủy điện Xekaman 3</i>	22.320.722.432	-	22.320.722.432	-
<i>Công trình thủy điện Sanxay</i>	15.004.715.913	-	16.748.869.356	-
<i>Công trình khác</i>	43.757.151.610	-	52.448.078.337	-
Cộng	115.066.926.872	-	130.521.318.515	-

^(*)Hầu hết các công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ bên giao thầu phê duyệt quyết toán**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.336.964.363	64.435.009.720	27.987.707.716	2.293.465.925	112.053.147.724
Tăng trong năm		170.094.907			170.094.907
Số cuối năm	17.336.964.363	64.605.104.627	27.987.707.716	2.293.465.925	112.223.242.631
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	17.336.964.363	64.435.009.720	25.615.680.611	1.864.557.743	109.609.012.003
Chờ thanh lý			2.372.027.105	428.908.182	2.800.935.287
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	17.336.964.363	64.435.009.720	27.987.707.716	2.293.465.925	112.053.147.724
Khấu hao trong năm		6.074.817			6.074.817
Số cuối năm	17.336.964.363	64.441.084.537	27.987.707.716	2.293.465.925	112.059.222.541
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	164.020.090	-	-	164.020.090

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Một số Tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có nguyên giá theo sổ sách là 2.584.065.195 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	500.000.000	500.000.000
Số cuối năm	-	500.000.000	500.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.620.000.000	-	1.620.000.000
Số cuối năm	1.620.000.000	-	1.620.000.000

Tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí thuê đất dài hạn lô K, đường 4, KCN Liên Chiêu, Liên Chiêu, Đà Nẵng. Thời hạn thuê từ 02/07/2008 đến 02/07/2048, thời hạn phân bổ còn lại 306 tháng.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	85.120.718.299	86.516.346.501
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	53.861.568.661	73.668.785.389
Cộng	138.982.286.960	160.185.131.890

Chi tiết như sau:

	Lỗ tính thuế	Lãi vay	Cộng
Năm 2020	9.330.694.635	18.205.848.795	27.536.543.430
Năm 2021	10.853.571.085	14.988.244.612	25.841.815.697
Năm 2022	4.732.579.803	15.045.336.681	19.777.916.484
Năm 2023	21.822.544.343	18.076.770.399	39.899.314.742
Năm 2024	7.122.178.795	18.804.517.812	25.926.696.607
Cộng	53.861.568.661	85.120.718.299	138.982.286.960

(i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	36.344.829.684	38.411.948.238
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	1.516.312.235	3.208.469.488
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	2.471.000	2.471.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.406.515.445	1.406.515.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	110.234.772	110.234.772
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	21.867.375.822	21.867.375.822
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	60.000.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	387.736.725	387.736.725
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	104.613.768	104.613.768
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	1.630.197.000	1.630.197.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	9.319.372.917	9.634.334.218
Phải trả các nhà cung cấp khác	115.984.992.133	112.656.188.370
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	17.619.976.831	17.619.976.831
Công ty Cổ phần Nhật Nam	12.481.877.951	12.531.877.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	17.149.544.884	17.149.544.884
Các nhà cung cấp khác	68.733.592.467	65.354.788.704
Cộng	152.329.821.817	151.068.136.608
Trong đó: Số chưa được đối chiếu, xác nhận	46.710.267.866	52.286.456.641
Số đã quá hạn chưa thanh toán ^(*)	38.065.816.261	38.065.816.261

(*) Xem thêm thuyết minh số VII.4 – Thông tin về các vụ tranh chấp, kiện tụng.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	37.726.100.261	60.608.712.559
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	29.150.958.671	52.033.570.969
Công ty TNHH điện Xekaman 3	383.500.000	383.500.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế Someco	563.500.000	563.500.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	1.958.520.528	1.958.520.528
Trả trước của các khách hàng khác	18.706.365.469	21.884.563.455
Cộng	56.432.465.730	82.493.276.014
Trong đó: Số chưa được đối chiếu, xác nhận	19.127.470.496	79.867.078.965

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	37.056.030.844	3.259.354.077	(980.152.707)	39.335.232.214
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.684.555.598	-	-	9.684.555.598
Thuế thu nhập cá nhân	1.528.655.578	83.323.190	(89.390.751)	1.522.588.017
Tiền thuê đất	258.260.324	-	-	258.260.324
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.924.550.031	10.695.277.324	(7.295.827)	25.612.531.528
Cộng	63.452.052.375	14.042.954.591	(1.081.839.285)	76.413.167.681

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% và 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(70.533.984.406)	(40.677.495.704)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	63.411.805.611	18.854.951.361
✓ Các khoản điều chỉnh tăng	63.411.805.611	18.854.951.361
Chi phí lãi vay không được trừ (*)	18.804.517.812	18.076.770.399
Thuế bị phạt, tiền chậm nộp thuế	10.653.887.865	8.152.733
Các khoản chi phí không được trừ khác	33.953.399.934	770.028.229
✓ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(7.122.178.795)	(21.822.544.343)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

- (*) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thông tin khác

Đến ngày 31/12/2024, Công ty vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế đã kê khai với cơ quan thuế đối với các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và các khoản phạt chậm nộp thuế. Công ty vẫn đang bị cưỡng chế hóa đơn.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	12.582.689.349	12.582.689.349
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	12.582.689.349	12.582.689.349
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.835.396.296	11.401.604.069
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long	3.806.376.112	3.806.376.112
Chi phí quản lý trích trước	180.000.000	210.000.000
Chi phí công trình trích trước	7.849.020.184	7.385.227.957
Cộng	24.418.085.645	23.984.293.418

17. Phải trả ngắn hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	26.688.099.114	26.475.321.586
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	18.308.312.939	18.275.535.411
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	93.286.892	93.286.892
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật công nghệ Someco	8.281.999.283	8.101.999.283

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	139.309.014.919	122.921.888.953
Lãi vay phải trả	105.403.694.757	86.638.489.274
Kinh phí công đoàn	2.020.160.861	1.919.058.830
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	21.634.457.844	22.535.468.128
Cổ tức phải trả	2.565.290.160	2.565.290.160
Nhận ủy thác đầu tư	20.000.000	20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.665.411.297	9.243.582.561
Cộng	165.997.114.033	149.397.210.539

17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	105.403.694.757	86.638.489.274
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	21.634.457.844	22.535.468.128
Cổ tức phải trả	2.565.290.160	2.565.290.160
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.162.398.128	5.895.770.130
Cộng	133.765.840.889	117.635.017.692

18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	176.107.821.316	176.772.436.816
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình ⁽ⁱ⁾	150.843.910.986	150.881.910.986
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà ⁽ⁱⁱ⁾	25.263.910.330	25.890.525.830
Vay ngắn hạn các cá nhân	350.000.000	415.000.000
Cộng	176.457.821.316	177.187.436.816

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 01/2018/645305/HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2018, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng khế ước cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1a).

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng hạn mức tín dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 9 tháng, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, mệnh giá 39.124.820.000 VND. Ngoài ra, Công ty còn dùng một số phương tiện vận tải của Công ty và của bên thứ ba để thế chấp cho các khoản vay và bảo lãnh tại Ngân hàng (xem thuyết minh VII.1a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	176.772.436.816	-	(664.615.500)	176.107.821.316
Vay ngắn hạn cá nhân khác	415.000.000	350.000.000	(415.000.000)	350.000.000
Cộng	177.187.436.816	350.000.000	(1.079.615.500)	176.457.821.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Toàn bộ số tiền vay ngắn hạn Ngân hàng đều đã quá hạn thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	225.380.284	-	(6.500.000)	218.880.284
Quỹ phúc lợi	1.625.739.279	-	-	1.625.739.279
Cộng	1.851.119.563	-	(6.500.000)	1.844.619.563

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(226.480.506.707)	(88.676.616.581)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(40.677.495.704)	(40.677.495.704)
Số dư cuối năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(267.158.002.411)	(129.354.112.285)
Số dư đầu năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(267.158.002.411)	(129.354.112.285)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(70.533.984.406)	(70.533.984.406)
Số dư cuối năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(337.691.986.817)	(199.888.096.691)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	38.556.000.000	38.556.000.000
Các cổ đông khác	44.980.200.000	44.980.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	95.463.377.227	95.463.377.227

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền gửi ngân hàng bao gồm 111,58 USD (số đầu năm là 616,27 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây lắp, gia công	56.217.875.226	48.869.182.486
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.031.454.545	728.802.003
Cộng	57.249.329.771	49.597.984.489

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
Doanh thu xây lắp thực hiện cho Tổng công ty	6.838.793.220	23.067.614.144

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	55.122.787.233	52.876.195.864
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	938.238.861	288.093.972
Cộng	56.061.026.094	53.164.289.836

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.605.949	22.374.892
Lãi tiền cho vay	986.886.283	887.195.473
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.438.866	
Cộng	1.016.931.098	909.570.365

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.804.517.812	18.076.770.399
Dự phòng tổn thất đầu tư	32.055.728.455	7.174.731.829
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.849.814	
Cộng	50.867.096.081	25.251.502.228

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.636.336.223	5.832.447.750
Chi phí vật liệu quản lý	485.739.240	445.546.932
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.611.190	9.578.401
Thuế, phí và lệ phí	23.942.883	22.557.146
Dự phòng phải thu khó đòi	1.893.463.364	2.912.673.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.247.228.780	1.739.802.341
Các chi phí khác	1.317.990.278	986.563.289
Cộng	10.614.311.958	11.949.169.710

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dura, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp Bảo hiểm	473.783.818	457.145.854
Thuế bị phạt, tiền chậm nộp thuế	10.653.887.865	8.152.733
Phạt vi phạm hành chính	143.889.459	312.882.375
Chi phí khác	-	41.907.822
Cộng	11.271.561.142	820.088.784

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.751.735.215	10.714.045.618
Chi phí nhân công	17.211.634.905	15.410.302.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.074.817	12.471.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.650.881.606	11.395.574.710
Chi phí khác	5.621.001.237	7.095.514.621
Cộng	51.241.327.780	44.627.909.441

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

- ✓ Công ty đã nhận được Công văn số 340/CV/2024 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam thông báo về việc đã nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông liên quan đến số công nợ mà Công ty chưa thanh toán theo các Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên. Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Hà Đông liên quan đến vụ kiện này. Trong trường hợp bị thua kiện, Công ty có thể phải thanh toán số tiền lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam khoảng 11.030.927.899 VND.
- ✓ Công ty cũng đã nhận được Đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam mà đại diện ủy quyền là Chi nhánh Hồng Hà (Agribank Chi nhánh Hồng Hà) ngày 07 tháng 12 năm 2023 gửi Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank Chi nhánh Hồng Hà toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 08 tháng 11 năm 2023 là 36.576.016.850 VND. Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm liên quan đến vụ kiện này. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh đầy đủ nghĩa vụ nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đình Thiện		
Tạm ứng	-	2.476.046.890
Hoàn ứng	140.000.000	2.422.143.259
Ông Khiếu Mạnh Tuấn		
Tạm ứng	-	3.000.000.000
Hoàn ứng	-	3.000.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6.

Cam kết bảo lãnh

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

Ông Vũ Anh Đoàn dùng tài sản là xe ô tô Toyota Camry thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà (xem thuyết minh số V.18).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	314.776.268	10.827.274	325.603.542
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	273.971.692	28.327.272	302.298.964
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên HĐQT	-	39.118.183	39.118.183
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	-	39.118.183	39.118.183
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên HĐQT	-	39.118.183	39.118.183
Ông Nguyễn Đình Thiện	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26/04/2024)	64.350.445	-	64.350.445
Ông Vũ Trọng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/05/2024)	83.470.248	-	83.470.248
Ông Trịnh Quốc Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát (Từ ngày 03/07/2024)	-	9.454.545	9.454.545
Ông Lý Nam Ninh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 26/06/2024)	84.846.199	-	84.846.199
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	174.647.077	29.502.273	204.149.350
Ông Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên Ban Kiểm soát	-	21.245.454	21.245.454
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	199.889.511	-	199.889.511
Cộng		1.195.951.441	216.711.367	1.412.662.808

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm trước				
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 06/07/2023)	131.955.621	74.663.772	206.619.393
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 29/06/2023)	83.507.252	-	83.507.252
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên HĐQT	-	17.718.180	17.718.180
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	-	17.718.180	17.718.180
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên HĐQT	-	17.718.180	17.718.180
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên HĐQT/ Tổng Giám đốc (từ ngày 07/07/2023)	126.829.636	9.309.091	136.138.727
Ông Nguyễn Đình Thiện	Phó Tổng Giám đốc	102.808.555	-	102.808.555
Ông Vũ Trọng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	102.960.441	-	102.960.441
Ông Lý Nam Ninh	Trưởng ban Kiểm soát (từ ngày 06/07/2023)	-	41.890.909	41.890.909
Ông Tạ Hoàng Cường	Trưởng ban Kiểm soát (đến ngày 29/06/2023)	41.236.037	-	41.236.037
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	79.202.605	13.125.000	92.327.605
Ông Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 29/06/2023)	-	6.981.819	6.981.819
Ông Nguyễn Thế Huynh	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 29/06/2023)	-	6.306.817	6.306.817
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	186.520.944	-	186.520.944
Cộng		855.021.090	223.431.948	1.078.453.038

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Bên liên quan của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Hacotec Group	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần May Thanh Tri	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.16 và V.17a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty tiếp tục lỗ (70.533.984.406) VND, số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là (337.691.986.817) VND, vốn chủ sở hữu âm (199.888.096.691) VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 216.189.748.272 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang tích cực làm việc với các bên giao thầu để quyết toán công trình, thu hồi công nợ. Một số hợp đồng mới vẫn được ký kết. Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới. Do vậy, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Thông tin về các vụ tranh chấp, kiện tụng

4a. Các vụ kiện do Công ty là nguyên đơn

✓ *Vụ kiện liên quan đến thu hồi đất tại Chi nhánh 1:*

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, UBND tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định số 1357/QĐ-UBND (“Quyết định 1357”) về việc thu hồi diện tích 61.372,8 m² đất do Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (Chi nhánh 1) quản lý sử dụng do vi phạm pháp luật về đất đai, giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý và thực hiện đấu giá đối với diện tích đất này. Công ty đã có các văn bản khiếu nại lần 1 gửi UBND tỉnh Hòa Bình ngày 27 tháng 9 năm 2022, và khiếu nại lần 2 gửi Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 08 tháng 02 năm 2023 để đề nghị thu hồi, và/hoặc hủy bỏ Quyết định số 1357. Ngày 08 tháng 01 năm 2024, Bộ Tài nguyên Môi trường đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-BTNMT về việc tiếp tục công nhận Quyết định 1357 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi đất của Công ty. Công ty đã nộp đơn khởi kiện UBND tỉnh Hòa Bình ngày 27 tháng 9 năm 2024 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án.

✓ *Vụ kiện liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1:*

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, Công ty đã có đơn khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 (“Someco1”/Công ty liên kết), gửi Tòa án Nhân dân tỉnh Lạng Sơn (“Toà án”) với những nội dung sau:

- (i) Xác định và tuyên bố số vốn điều lệ của Someco 1 là 58.385.947.018 VND (Số vốn điều lệ của Someco 1 theo đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 23 tháng 8 năm 2017 là 162.000.000.000 VND).
- (ii) Xác định và tuyên bố số vốn của Công ty đã góp vào Someco 1 là 39.124.823.018 VND.
- (iii) Buộc Someco 1 phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để đăng ký giảm vốn điều lệ đúng bằng với số vốn thực góp là 58.435.259.018 VND.
- (iv) Buộc Someco 1 phải chịu các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án này.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, Công ty đã xin rút yêu cầu số (iii) về việc buộc Someco 1 phải thực hiện thủ tục giảm vốn điều lệ bằng vốn thực góp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, Tòa án đã xét xử và ban hành Bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST, tuyên bố: Số vốn các cổ đông đã góp vào Someco 1 tính đến thời điểm ngày 08/05/2024 là 58.435.259.018 VND; Số vốn Công ty đã góp vào Someco 1 từ ngày 02/11/2007 đến ngày 28/05/2024 là 39.124.823.018 VND. Bản án này chưa có hiệu lực do ngày 23/9/2024, Tòa án nhận được Đơn kháng cáo của Someco 1, theo đó, Someco 1 kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm đã nêu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4b. Các vụ kiện mà Công ty là bị đơn

- ✓ **Các vụ kiện đã có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội** (Gồm các nguyên đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đông Dương (nay là Công ty Cổ phần PT Đông Dương), Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thái Dương, Công ty Cổ phần Nhật Nam, Viện Nghiên cứu cơ khí (Narime) và Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh): Số dư nợ gốc còn phải trả các nhà cung cấp này tại thời điểm ký Biên bản hòa giải là 27.056.167.876 VND; Số lãi chậm trả theo thỏa thuận là 3.722.000.000 VND; Số dư nợ gốc còn phải trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 21.016.271.377 VND.

Công ty chưa thanh toán cho các nhà cung cấp theo đúng tiến độ trong Biên bản hòa giải, cũng chưa ước tính lãi chậm trả từ thời điểm ký Biên bản thỏa thuận. Công ty đã nhận được quyết định thi hành án theo yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông đối với khoản nợ phải trả Viện Nghiên cứu Cơ khí (Narime) và Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh nhưng chưa áp dụng biện pháp thi hành án.

- ✓ **Vụ kiện đã có Phán quyết Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam** (nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng): Theo phán quyết, Công ty phải thanh toán cho nguyên đơn tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng từ tháng 8 năm 2009 đến hết tháng 9 năm 2015 đối với diện tích đất thuê tại KCN Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, số tiền là 615.215.032 VND và tiền lãi chậm trả tính đến hết tháng 7 năm 2019 là 424.921.392 VND. Theo Quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội ngày 26 tháng 9 năm 2024, Công ty phải thanh toán tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tiền lãi chậm trả và tiền án phí với tổng số tiền là 1.132.040.424 VND.

Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã áp dụng các biện pháp thi hành án đối với Công ty theo Quyết định số 01/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc phong tỏa tài khoản, tài sản của Công ty tại Ngân hàng, số tiền 1.643.489.041 VND và các quyết định về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, số tiền đã chuyển vào Tài khoản của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để thi hành án là 382.257.543 VND.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám